

*Bản án số: 691/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 5 năm 2019
V/v: Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Bà Nguyễn Thanh Phước

2-Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Công chức Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1702/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/QĐXX-ST ngày 26/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐ-HPT ngày 16/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đỗ Nguyệt M (xin vắng mặt)

Địa chỉ: A13-7 chung cư The Morning Star – Số 57 đường Q, Phường M, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: L4 - 12A03 chung cư Vinhomes Central Park – Số 208 đường NHC, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông Bùi Trung Kiên (vắng mặt)

Địa chỉ: A13-7 chung cư The Morning Star – Số 57 đường Q, Phường M, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 30/8/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tại Tòa án nguyên đơn bà Đỗ Nguyệt M trình bày:

Bà và ông Bùi Trung K tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2012, tại UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn 73/2012 ngày 15/5/2012. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà phát hiện ông K ham mê cờ bạc, lơ đãng dẫn đến nợ nần, Dưới danh nghĩa cá nhân, ông K đi vay từ khoản nhỏ đến khoản lớn. Bản thân bà muốn được an toàn cho con, đã nhiều lần phải mang tiền dành dụm của gia đình ra để trả nợ cho ông K. Sau mỗi lần trả nợ, bà đều khuyên răn, phân tích cho chồng hiểu cuộc sống khó khăn của gia đình, hậu quả của lỗi lầm do ông K gây ra. Nhưng sau đó vẫn chứng nào tật ấy, ông K vẫn tiếp tục mắc nợ mới. Còn bà không còn tiền để trả nợ thay. Không đạt được mục đích, ông K thường tỏ thái độ giận dữ, chửi bới, xúc phạm danh dự của bà và gia đình bên ngoại. Cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng, ngột ngạt. Từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 5 năm 2018 ông bà đã sống ly thân với nhau, từ tháng 5 năm 2018 đến nay bà và con đã đi thuê nhà để hai mẹ con ở những mong ông Kiên suy nghĩ lại và thay đổi nhưng ông K không có thái độ nào để hàn gắn gia đình mà còn có nhiều lời lẽ đe dọa, xúc phạm bà cũng như cha mẹ bà. Nay nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Trung K.

- Về con chung: bà và ông K có 01 con chung tên Bùi Hải L, sinh ngày 07/5/2013, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, vì từ nhỏ đến giờ con vẫn do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Bùi Trung K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn đề nghị được giữ nguyên yêu cầu như trong đơn xin ly hôn;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về việc chấp hành tố tụng:*

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2012, quyền số 01/2012 tại UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/5/2012 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Nguyệt M và ông Bùi Trung K là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà M và ông K đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau. Ông K và bà M đã sống ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà M với ông K là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 19, Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: xét thấy hiện bà M và ông K không sống cùng nhau, trẻ L từ khi sinh ra cho đến thời điểm hiện tại đều sống với bà M, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do đó, để ổn định cuộc sống và học tập của cháu thì việc giao cháu cho mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: căn cứ vào các Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà M đối với ông K là phù hợp.

Do đó, đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Nguyệt M.

- Về án phí sơ thẩm: bà Đỗ Nguyệt M phải đóng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Đỗ Nguyệt M có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Bùi Trung K. Đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn ông Bùi Trung K hiện đang trú tại: Căn hộ A13-7 chung cư The Morning Star – Số đường Q, Phường M, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

+ Về tố tụng:

Bị đơn ông Bùi Trung K, đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đến tòa trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Kiên vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bà Đỗ Nguyệt M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Nguyệt M và ông Bùi Trung K tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2012, quyền số 01/2012 cấp ngày 15/5/2012. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Nguyệt M vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Trung K do tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, không còn tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình quá căng thẳng, mặc dù bà đã cố gắng để ông K thay đổi nhưng ông K vẫn không thay đổi mà còn có nhiều lời lẽ xúc phạm bà. Thời gian vợ chồng sống ly thân, hai người không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kiên để trả tự do cho nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông K đã được Tòa thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà Minh, khi Tòa mời đến hòa giải đoàn tụ ông vắng mặt không lý do.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông K UBND phường nơi ông bà sinh sống cho biết: việc ông K và bà M mâu thuẫn thế nào địa phương không lắm rõ vì không có trình báo về mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống giữa ông K và bà M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau, do ông K ham mê bài bạc, không có trách nhiệm với gia đình, bản thân bà M đã cố gắng hàn gắn nhưng không làm thay đổi mâu thuẫn. Ông K và bà M đã ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Bản thân ông K khi biết Tòa án thụ lý vụ án cũng không có ý kiến về việc nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn, khi được Tòa án Thông báo và triệu tập đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ ông cũng không có mặt, do đó cho thấy ông không quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định của pháp luật, được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo Điều 2, Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là: “*Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng*”. “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, cùng nhau chia sẻ thực hiện*

các công việc trong gia đình”. “Vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín cho nhau”..đôi chiếu với các quy định và tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ tình yêu, sự tự nguyện của hai phía cũng như trách nhiệm với gia đình, vợ chồng phải tôn trọng, chia sẻ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, giữa ông K và bà M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn tôn trọng lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Nguyệt M, giải quyết cho bà M được ly hôn với ông K là phù hợp với quy định pháp luật.

-Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Bùi Hải L, sinh ngày 07/5/2013, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu L từ khi sinh ra cho đến thời điểm hiện tại đều sống với bà M, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do đó, để ổn định cuộc sống và học tập của cháu thì việc giao cháu cho mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng và buộc cha là ông Bùi Trung K cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu bà M là phù hợp và đúng với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: bà Đỗ Nguyệt M phải chịu án phí ly hôn, ông Bùi Trung K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

-Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 2, 19, 21, 51, 53, 56; 81; 82; 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Nguyệt M.

1. Về hôn nhân: bà Đỗ Nguyệt M được ly hôn với ông Bùi Trung K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Hải L, sinh ngày 07/5/2013 cho bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc ông Bùi Trung K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành. Bắt đầu thi hành từ tháng 05 năm 2019. Thi hành tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con

hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà M xác định không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: ông Bùi Trung K phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Bà Đỗ Nguyệt M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005359 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- VKSND quận Bình Thạnh ;
- THA DS quận Bình Thạnh;
- Dương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

